

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN THANH TRÌ
TP. HÀ NỘI**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

----- ★ ★ ★ -----

Bản án số: 117/2018/HSST

Ngày: 31/7/2018

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THANH TRÌ - THÀNH PHỐ HÀ NỘI**

Với thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - chủ tọa phiên toà: Bà Nguyễn Thị Kim Liên

Các Hội thẩm nhân dân Ông Nguyễn Đức Thành

Ông Trần Văn Huy

*Thư ký Toà án ghi biên bản phiên toà: Bà Đặng Thị Vân Kiều - Cán bộ TAND
huyện T - thành phố Hà Nội.*

*Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thanh Trì - thành phố Hà Nội tham gia
phiên toà: Bà Tô Thu Thủy - Kiểm sát viên*

Ngày 31 tháng 7 năm 2018, tại trụ sở TAND huyện T - Thành phố Hà Nội,
xét xử sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số: 119/2018/HSST, ngày 10/7/2018 đối với
các bị cáo:

Họ và tên: NGUYỄN VĂN H - Sinh năm: 1983; Nơi ĐKNKTT và chỗ ở:
thôn 5, xã Đ, huyện T, thành phố Hà Nội; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ
văn hóa: 7/12; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: không; Bố:
Nguyễn Văn L (đã chết); Con bà: Nguyễn Thị T; Có 3 anh chị em, bị cáo là con
thứ nhất. Danh chỉ bản số 0023 ngày 19/12/2017 Công an huyện T lập và lý lịch

tư pháp phản ánh. Tiền án: không, tiền sự: 01, tháng 4/2007 sử dụng trái phép chất ma túy Công an quận H, thành phố Hà Nội xử phạt hành chính (đã hết thời hiệu). Bị bắt khẩn cấp, tạm giữ, tạm giam từ ngày 18/12/2017, bị cáo hiện đang tạm giam tại Trại tạm giam số 2 - có mặt tại phiên tòa.

Họ và tên: NGUYỄN VĂN L - Sinh năm: 1997; Nơi ĐKNKTT và chỗ ở: Thôn G, xã N, huyện T, Hà Nội; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ văn hóa: 12/12; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: không; Bố: Nguyễn Xuân T ; Con bà: Phạm Thị D, gia đình có 3 anh em, bị can là con thứ nhất. TATS: 01 tiền án, tiền sự : không. Ngày 16/12/2014, L bị Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội xử phạt 36 tháng tù về tội "Cướp giật tài sản" theo điểm d khoản 2 Điều 136- Bộ luật hình sự năm 1999 (án số 522/HSST) đã xoá án tích. Danh chỉ bản số 0023 ngày 19/12/2017 Công an huyện T lập và lý lịch tư pháp phản ánh. Bắt ngày 12/7/2014, bị cáo hiện đang tạm giam - có mặt tại phiên tòa.

Người bị hại:

1/ chị Lê Thị Hoài T - sinh năm: 1994 (vắng mặt)

Trú tại: Đội 6, xã N, huyện T, Hà Nội

2/ Anh Nguyễn Huy T - sinh năm: 1992 (vắng mặt)

Trú tại: Đội 6, xã N, huyện T, Hà Nội

NỘI DUNG VỤ ÁN

Qua các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và quá trình xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau.

Khoảng 03 giờ ngày 18/12/2017, Nguyễn Văn H gọi điện cho Nguyễn Văn L đến nhà H ở khu vực ao cá tại thôn 5, xã Đ, huyện T, Hà Nội, L đồng ý. H rủ L đi cướp giật tài sản của người đi đường lấy tiền tiêu xài, L đồng ý, H bảo L điều khiển xe máy Dream BKS 30K6 - 1618 đến nhà H, L đồng ý. H ngồi sau sẽ dùng dao cắt hoặc rạch túi. Khi đi, H cầm một con dao gọt hoa quả dài 15 cm bỏ vào chiếc túi xách màu đen, đeo trên vai, L điều khiển chiếc xe máy trên đi lên đê H, xuống đê Đ đi vào đường lên xã T, huyện T. Khi đi đến khu vực cầu chui đường cao tốc thôn C, xã T, huyện T, Hà Nội; L và H phát hiện thấy anh Nguyễn Huy T (sinh năm: 1992) điều khiển xe máy Wave màu đỏ BKS: 33N8 - 3071 chở vợ Lê Thị Hoài T (sinh năm: 1994; đều trú tại: Đội 6, xã N, huyện T, Hà Nội) đi theo hướng về thị trấn V, huyện T, chị T có đeo 01 chiếc túi xách chéo (bên trong có 01 điện thoại di động Iphone 6s Plus màu vàng, 01 thỏi son nắp màu vàng, số tiền 5.000.000đồng) ; 01 bằng lái xe máy, 01 chứng minh thư nhân dân, 01 đăng ký xe máy BKS : 29M1- 000.23 mang tên Nguyễn Huy T, 01 đăng ký xe máy BKS; 33N8- 3071). Khi đi qua Đài tưởng niệm liệt sỹ, L điều khiển xe máy áp sát với xe của anh T, H ngồi sau lấy con dao đã chuẩn bị từ trước cắt dây và giật chiếc túi xách chị T đang đeo trên người rồi L tăng ga bỏ chạy ra đường quốc lộ 1A cũ để về nhà H. Trên đường đi, L cầm lái nên không biết bên trong túi có tài sản gì. H ngồi sau lục tìm bên trong túi xách vừa chiếm đoạt được lấy 01 điện thoại di động Iphone 6s Plus màu vàng, 01 thỏi son nắp màu vàng và toàn bộ số tiền cho vào chiếc túi của H, sau đó vứt chiếc túi xách của chị T cùng toàn bộ giấy tờ ở ven đường quốc lộ 1A thuộc thôn P, xã L, huyện T, Hà Nội. Về đến nhà H, H bảo L tài sản cướp giật được có mấy trăm nghìn, 01 thỏi son nắp màu vàng và 01 chiếc điện thoại Iphone 6s Plus màu vàng, khi nào bán được chiếc điện thoại này sẽ chia nhau tiền. Sau đó, L cầm chiếc điện thoại vừa chiếm đoạt được, tháo sim và thay bằng sim số 0965827097 của L ngủ tại nhà H.

Ngay sau khi bị chiếm đoạt tài sản, chị Lê Thị Hoài T và anh Nguyễn Huy T đã đến công an huyện T trình báo sự việc như nêu trên.

Khoảng 11 giờ 30 phút cùng ngày, Tổ công tác của ĐTHS - Công an huyện T tiến hành kiểm tra hành chính đối với Nguyễn Văn L tại nhà Nguyễn Văn H ở thôn 5 xã Đ, huyện T, Hà Nội. Qua kiểm tra thu giữ trong người L; 01 thỏi son màu vàng vỏ nhựa màu đen, 01 thỏi son màu ghi nắp nhựa màu vàng, 01 thỏi son màu ghi nắp nhựa màu trắng, 01 hộp phấn trang điểm, 01 điện thoại Nokia 1280 màu đen, 01 chiếc điện thoại Nokia 112 màu đen, 01 xe máy Dream BKS 30 K6 - 1618 SM: HAO?E- 1519759, SK:RLHHA0807AY219724 và 2.565.000đồng.

Tại bản kết luận định giá tài sản số 370/KLĐG ngày 29/12/2017 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự huyện T kết luận: 01 điện thoại hiệu Iphone có giá 6.000.000đồng, 01 túi xách có giá trị 20.000đồng, 01 thỏi son có giá trị 20.000đồng, tổng trị giá tài sản là 6.040.000đồng.

Tại cơ quan điều tra, Nguyễn Văn H và Nguyễn Văn L đã khai nhận hành vi phạm tội của mình như đã nêu trên, riêng với số tiền H và L chiếm đoạt được của chị T, anh T: chị T, anh T khai số tiền bị mất là 5.000.000đồng. L khai không biết chiếm đoạt được bao nhiêu tiền vì H ngồi sau lưng túi xách chiếm đoạt được nên chỉ có H biết được số tiền chiếm đoạt được là bao nhiêu, H khai chỉ chiếm đoạt được có mấy trăm ngàn đồng. Cơ quan điều tra đã tiến hành đối chất giữa các bị can và bị hại nhưng L và H vẫn không thừa nhận số tiền chiếm đoạt là 5.000.000đồng như nêu trên. Tuy nhiên căn cứ lời khai của người bị hại và các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án có đủ cơ sở kết luận L và H đã chiếm đoạt của chị T và anh T là 5.000.000đồng.

Về vật chứng:

Khoảng 6 giờ 30 phút ngày 18/12/2017, ông Nguyễn Văn V (sinh năm 1955, TQ: thôn P, xã L, huyện T, Hà Nội) đã nhận được chiếc túi xách của chị T, anh T trong đó có một số giấy tùy thân, ông V đã giao lại cho anh T.

Cơ quan CSĐT- Công an huyện T đã trao trả cho chị Lê Thị Hoài T 01 điện thoại di động Iphone 6 s Plus màu vàng, 01 thỏi son nắp màu vàng, 01 túi xách màu nâu: 01 bằng lái xe, 01 CMTND, 01 đăng ký xe máy BKS: 29M1- 000.23 mang tên Nguyễn Huy T, 01 đăng ký xe máy BKS: 33N8- 3071.

Đối với 01 thỏi son màu hồng vỏ nhựa màu đen, 01 thỏi son màu ghi nắp nhựa màu trắng, 01 hộp phấn trang điểm H nhặt được và cho L (L đề nghị trả cho H), 01 điện thoại Nokia 1280 màu đen, 01 điện thoại Nokia 112 màu đen và số tiền 2.561.000đồng thu giữ của L tiếp tục tạm giữ để xử lý theo pháp luật.

Đối với 01 sim điện thoại số 0965827098 là sim của bạn gái L tên là Nguyễn Thị Trang A (sinh năm: 1998, HKTT: thôn Q, xã Q, huyện T, Hà Nội), 01 con dao bằng kim loại có chuôi dao màu đen dài 15 cm, 01 cặp xách màu đen, số tiền 2.561.000đồng thu giữ của H (Huy khai gồm tiền của H và tiền cướp giật của chị T) tiếp tục tạm giữ để xử lý theo pháp luật.

Đối với 01 xe máy Honda nhãn hiệu Dream lắp biển kiểm soát 30K6- 1618, Số máy HAO?E- 1519759, SK:RLHHA0807AY219724, qua xác minh biển kiểm soát này không trùng với số khung, số máy. Tra cứu số khung số máy xác định chủ sở hữu là chị Thái Thị C (sinh năm 1962, TQ: Thôn H, xã Q, huyện T₁, Hà Nội), chị C bị mất xe máy này ngày 18/10/2017 tại thôn H. L khai mua chiếc máy này của một người tên T (sinh năm 1993, ở xã V, huyện T₁, Hà Nội). Cơ quan CSĐT- Công an huyện T đã tách rút tài liệu liên quan và chuyển đến cơ quan CSĐT- Công an huyện T₁ để giải quyết theo thẩm quyền.

Xác minh Biển kiểm soát số 30K6- 1618 xác định chủ đăng ký là chị Nông Thị H (sinh năm 1974, TQ: số 13, ngõ 670 phố B, quận H, Hà Nội), chiếc xe máy

có BKS 30K6- 1618 chỉ mua năm 2009, đã bán cho người không quen biết năm 2014. Trung cầu giám định không xác định được biển kiểm soát giả hay thật. Tra cứu tang thư chiếc xe máy có BKS 30K6-1618 không nằm trong hệ thống tang vật. Vì vậy tiếp tục giữ BKS 30 K6- 1618 để xử lý theo pháp luật.

Ngày 12/4/2018, Cơ quan CSĐT- Công an huyện T đã trao trả cho chị Thái Thị C 01 xe máy Honda nhãn hiệu Dream, SM:HAO?E- 1519759, SK:RLHHA0807AY219724.

Đối với 01 xe máy kiểu dáng Dream màu đỏ không biển kiểm soát, số máy LC152FMG-1-A00013?45, số khung: NJ10020007531 thu nhà H, H khai chiếc xe máy này là của người đi đường không quen biết gửi, không thấy đến lấy lại. Qua tra cứu không có dữ liệu trên hệ thống lưu trữ xe tang vật, Công an huyện T thông báo nhưng không tìm được chủ sở hữu nên Cơ quan CSĐT-Công an huyện T đã tách phần hồ sơ liên quan đến chiếc xe máy này để điều tra, xử lý sau.

Về dân sự: Chị Lê Thị Hoài T, anh Nguyễn Huy T yêu cầu H và L bồi thường số tiền 5.000.000đồng.

Đối với chị Nguyễn Thị T, Nguyễn Thị Trang A không biết H, L dùng số sim điện thoại của mình để trao đổi vào việc phạm tội nên Công an huyện T không đề cập, xử lý gì đối với chị T và chị A.

Tại bản cáo trạng: số 108/KSĐT ngày 29/6/2018, Viện kiểm sát nhân dân huyện T truy tố Nguyễn Văn H, Nguyễn Văn L về tội "Cướp giật tài sản" theo quy định tại điểm d, khoản 2 Điều 136 - Bộ luật hình sự năm 1999 (điểm d, khoản 2, Điều 171 Bộ luật hình sự năm 2015).

Tại phiên toà: các bị cáo Nguyễn Văn L, Nguyễn Văn H, đã thừa nhận nội dung Bản cáo trạng là đúng với hành vi mà bị cáo đã thực hiện. Các bị cáo thấy được hành vi của mình là vi phạm pháp luật, thành khẩn ăn năn hối cải, hứa sẽ sửa chữa và đề nghị Tòa xem xét giảm nhẹ hình phạt.

Về dân sự: Những người bị hại là chị T và anh T đều có đơn xin vắng mặt tại phiên Toà và giữ nguyên yêu cầu hai bị cáo bồi thường cho họ số tiền là 5.000.000đồng .

Các bị cáo H và L tại phiên toà cũng xin bồi thường trả cho chị T và anh T số tiền là 5.000.000đồng.

Đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa giữ nguyên quan điểm truy tố bị cáo Nguyễn Văn H, Nguyễn Văn L, về tội "Cướp giật tài sản" theo điểm d khoản 2 điều 136 - Bộ luật hình sự năm 1999, như nội dung Bản cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện T.

Áp dụng điểm d khoản 2 Điều 136 - Bộ luật hình sự năm 1999. Điểm s, khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015

Đề nghị Tòa xử phạt Nguyễn Văn H từ 04 đến 05 năm tù giam.

Đề nghị Tòa xử phạt Nguyễn Văn L từ 04 đến 05 năm tù giam.

Về vật chứng: Tịch thu tiêu huỷ 01 cặp xách màu đen có quai đeo, 01 con dao gọt hoa quả dài 15cm có chuôi màu đen, 01 BKS 36K- 1618.

Trả lại bị cáo H 01 thỏi son màu hồng vỏ nhựa màu đen, 01 thỏi son màu ghi nắp nhựa màu trắng, 01 hộp phấn trang điểm.

Trả lại bị cáo H số tiền 2.565.000đồng nhưng tạm giữ để đảm bảo thi hành án.

Số sim điện thoại 0965827098 L và chị Nguyễn Thị Trang A dùng chung, không liên quan đến hành vi phạm tội nên trả cho bị cáo L.

Trả lại cho L số tiền 2.561.000đồng, 01 điện thoại Nokia màu đen, 01 điện thoại Nokia của L nhưng tạm giữ để đảm bảo thi hành án.

Về phần dân sự: Buộc bị cáo H và L mỗi bị cáo phải bồi thường cho chị T và anh T 2.500.000đồng.

Căn cứ vào các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án; Căn cứ kết quả thẩm tra chứng cứ và xét hỏi tại phiên toà; Căn cứ vào kết quả tranh luận công khai tại phiên toà. Trên cơ sở xem xét đầy đủ toàn diện chứng cứ, ý kiến Kiểm sát viên, bị cáo và những người tham gia tố tụng khác.

Căn cứ vào các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án; Căn cứ kết quả thẩm tra chứng cứ và xét hỏi tại phiên toà; Căn cứ vào kết quả tranh luận công khai tại phiên toà. Trên cơ sở xem xét đầy đủ toàn diện chứng cứ, ý kiến Kiểm sát viên, bị cáo và những người tham gia tố tụng khác.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy nh sau:

[1] Khoảng 03 giờ 30 phút ngày 18/12/2017, tại đội 10, tại đường liên xã xã T, huyện T, Hà Nội. Nguyễn Văn L điều khiển xe máy BKS 30K6- 1618 chở Nguyễn Văn H ngồi sau dùng dao cắt dây đeo và giật lấy chiếc túi xách đeo trên vai của chị Lê Thị Hoài T đang ngồi trên xe máy BKS 33N8- 3071 do anh Nguyễn Huy T điều khiển, trong túi xách có 01 điện thoại di động Iphone 6s Plus màu vàng trị giá 6.000.000đồng, 01 thỏi son nấp màu vàng trị giá 20.000đồng và số tiền 5.000.000đồng và chiếc túi xách trị giá 20.000đồng. Tổng giá trị tài sản là 11.040.000đồng cùng một số giấy tờ cá nhân của anh T chị T.

Các bị cáo có các hành vi vi phạm pháp luật là Cướp giật tài sản của chị T và anh T. Tại phiên toà các bị cáo thừa nhận có hành vi vi phạm pháp luật như bản cáo trạng đã truy tố. Viện Kiểm Sát truy tố các bị cáo về tội Cướp giật tài sản theo quy định tại điểm đ khoản 2 Điều 136 Bộ luật hình sự năm 1999 là có căn cứ.

[2] Hành vi phạm tội của bị cáo đã xâm phạm quyền sở hữu tài sản của công dân và gây mất trật tự trị an xã hội, do vậy cần thiết phải xử lý bị cáo bằng pháp luật để cải tạo, giáo dục đối với bị cáo và phòng ngừa chung.

[3] Để có mức thoả đáng ngoài việc xem xét tính chất, mức độ nguy hiểm hành vi phạm tội của các bị cáo, cần phải xem xét đến nhân thân, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với các bị cáo.

[4] Đối với bị cáo H là người chủ mưu, vai trò chính, tham gia tích cực trong vụ án, bị cáo có 01 tiền sự đã hết thời hiệu, thể hiện bị cáo có nhân thân xấu, không chịu tu dưỡng, rèn luyện coi thường pháp luật. Do đó cần thiết phải cách ly bị cáo khỏi xã hội một thời gian, để cải tạo giáo dục đối với bị cáo, mới có tác dụng đấu tranh phòng ngừa tội phạm.

Đối với bị cáo L là người đồng phạm tích cực, lái xe để bị cáo H thực hiện hành vi cướp giật tài sản, bị cáo có 01 tiền án. Ngày 16/12/2014 bị cáo bị Toà án Thành phố Hà Nội xử phạt 36 tháng tù về tội " Cướp tài sản " theo điểm d - khoản 2 Điều 136- Bộ luật hình sự năm 1999 (án số 522/ HSST) ra trại ngày 07/12/2017, đã được xoá án tích, thể hiện bị cáo có nhân thân xấu, không chịu tu dưỡng, rèn luyện coi thường pháp luật. Do đó cần thiết phải cách ly bị cáo khỏi xã hội một thời gian, để cải tạo giáo dục đối với bị cáo, mới có tác dụng đấu tranh phòng ngừa tội phạm.

[5] Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Tại Cơ quan điều tra cũng như tại phiên Toà, các bị cáo H, L, thành khẩn khai báo và ăn năn hối cải, được quy định tại điểm s Điều 51 - Bộ luật hình sự năm 2015.

[6] Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: các bị cáo không có tình tiết tăng nặng.

[7] Vai trò của các bị cáo: bị cáo H là chủ mưu, có vai trò cao nhất, sau đó bị cáo L đồng phạm tích cực có vai trò thấp hơn bị cáo H.

Về dân sự: Những người bị hại chị T và anh T yêu cầu các bị cáo phải bồi thường số tiền là 5.000.000đồng.

Về vật chứng: Căn cứ Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015.

- 01 cặp sách màu đen có quai đen, 01 con gọt hoa quả dài 15 cm có chuôi màu đen, 01 BKS 36 K6- 1618 không có giá trị sử dụng cần tịch thu tiêu hủy.

Trả lại bị cáo H 01 thỏi son màu hồng vỏ nhựa màu đen, 01 thỏi son màu ghi nắp nhựa màu trắng, 01 hộp phấn trang điểm.

Trả lại bị cáo H số tiền 2.565.000đồng nhưng tạm giữ để đảm bảo thi hành án.

Số sim điện thoại 0965827098 L và chị Nguyễn Thị Trang A dùng chung, không liên quan đến hành vi phạm tội nên trả cho bị cáo Luật.

Trả lại cho bị cáo L số tiền 2.561.000đồng, 01 điện thoại Nokia màu đen, 01 điện thoại Nokia của L nhưng tạm giữ để đảm bảo thi hành án.

Về dân sự: áp dụng Điều 48 Bộ luật hình sự năm 2015, Điều 357, Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

Buộc bị cáo H bồi thường trả cho chị T và anh T số tiền là 2.500.000đồng, bị cáo L phải bồi thường số tiền 2.500.000đồng cho chị T và anh T.

Các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo Điều 136 Bộ luật hình sự năm 2015.

Các bị cáo và những người bị hại được quyền kháng cáo theo quy định tại Điều 331, Điều 333 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH

Tuyên bố: Bị cáo Nguyễn Văn H, Nguyễn Văn L phạm tội "cướp giật tài sản".

Áp dụng điểm d, khoản 2 Điều 136 Bộ luật hình sự năm 1999; Điểm s khoản 1, Điều 51 - Bộ luật hình sự năm 2015 (đối với bị cáo Nguyễn Văn H)

Xử phạt: Nguyễn Văn H 50 (năm mươi) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bắt khẩn cấp, tạm giữ, tạm giam từ ngày 18/12/2017.

Áp dụng điểm d, khoản 2 Điều 136 Bộ luật hình sự năm 1999; Điểm s khoản 1, Điều 51, Bộ luật hình sự năm 2015 (đối với bị cáo Nguyễn Văn L)

Xử phạt: Nguyễn Văn L 48 (bốn mươi tám) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bắt khẩn cấp, tạm giữ, tạm giam ngày 18/12/2017.

Về dân sự: áp dụng Điều 48 Bộ luật hình sự năm 2015, Điều 357, Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

Buộc mỗi bị cáo có trách nhiệm bồi thường là 2.500.000đồng cho chị T và anh T

Về vật chứng: căn cứ điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự.

Tịch thu tiêu huỷ 01 cặp sách màu đen có quai đen, 01 con gọt hoa quả dài 15 cm có chuôi màu đen, 01 BKS 30 K6- 1618

Trả lại bị cáo H 01 thỏi son màu hồng vỏ nhựa màu đen, 01 thỏi son màu ghi nắp nhựa màu trắng, 01 hộp phấn trang điểm (tại biên bản bàn giao vật chứng ngày 30/7/2018).

Trả lại bị cáo H số tiền 2.565.000đồng nhưng tạm giữ để đảm bảo thi hành án (tại uỷ nhiệm chi ngày 31/7/2018).

Số sim điện thoại 0965827098 L và chị Nguyễn Thị Trang A dùng chung, không liên quan đến hành vi phạm tội nên trả cho bị cáo L.

Trả lại cho L 2.561.000đồng, 01 điện thoại Nokia màu đen, 01 điện thoại Nokia của L nhưng tạm giữ để đảm bảo thi hành án đang lưu giữ tại chi cục thi hành án huyện T (tại uỷ nhiệm chi ngày 31/7/2018).

Án phí: áp dụng Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015.

Điều 20, 22, 26 Pháp lệnh án phí, lệ phí Toà án.

Mỗi bị cáo phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm và 200.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Trường hợp bên có nghĩa vụ chậm trả tiền thì bên đó phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả. Lãi suất phát sinh do chậm trả tiền được xác định theo thoả thuận của các bên nhưng không vượt quá mức lãi suất được quy định tại khoản 468 bộ luật của Bộ luật dân sự: nếu không thoả thuận được thì thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự: Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Về quyền kháng cáo: áp dụng Điều 331, Điều 333 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015.

Các bị cáo có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Những người bị hại vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15, kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết.

Về quyền thi hành án: Căn cứ Điều 26 Luật thi hành án.

Trường hợp bản án, quyết định của Toà án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán- Chủ tọa phiên toà

Nguyễn Thị Kim Liên